



BẢN TIN PHÁP LUẬT

Số 3 – Tháng 4 năm 2023 – Capable Counsel

I. Lĩnh vực doanh nghiệp

1.1. Thông tư số 02/2023/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 4 năm 2023 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp

Theo như quy định của thông tư này, kể từ ngày 01/07/2023 khi muốn đăng ký thành lập Hộ kinh doanh thì người đăng ký cần lưu ý những điểm mới được ban hành như về vấn đề:

- Tiếp nhận, xử lý hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh trên hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh;
- Mã số hộ kinh doanh;
- Ghi ngành, nghề kinh doanh;
- Thông báo địa điểm kinh doanh của hộ kinh doanh;
- Cấp đăng ký hộ kinh doanh theo quy trình dự phòng;
- Đăng ký và hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử;
- Chuyển đổi dữ liệu, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hộ kinh doanh vào hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh;
- Cung cấp thông tin đăng ký hộ kinh doanh trên hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh;
- Phương thức thanh toán lệ phí đăng ký hộ kinh doanh

Thêm vào đó, ngoài quy định những điểm mới, Bộ Kế hoạch và Đầu tư còn thay đổi các mẫu văn bản sử dụng trong đăng ký hộ kinh doanh được ban hành kèm theo Thông tư số 02/2023/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2023.



1.2. Quyết định 345/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2023 do Thủ tướng Chính phủ ban hành về phê duyệt Đề án "Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp giai đoạn 2021-2030" do Thủ tướng Chính phủ ban hành

Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án với việc xác định mục tiêu là phát huy các kết quả đã đạt được, khắc phục các bất cập; tiếp tục đổi mới công tác hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp, tăng cường cơ chế phối hợp liên ngành; tạo chuyển biến mạnh trong chất lượng, hiệu quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; góp phần nâng cao nhận thức, ý thức tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp

Ngoài ra, Quyết định này còn đưa ra những nhiệm vụ cụ thể để hoàn thành chính sách, pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp và triển khai hiệu quả công tác này. Thêm vào đó, phân công nhiệm vụ cho các ban ngành có thẩm quyền cụ thể và đề xuất kinh phí thực hiện Đề án sẽ do ngân sách nhà nước đảm bảo hằng năm.

II. Lĩnh vực thuế

2.1. Nghị định 12/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2023 do Chính Phủ ban hành về gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2023

Nghị định này quy định việc gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất.

Áp dụng cho các đối tượng: Người nộp thuế; cơ quan thuế; công chức thuế; cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Nghị định quy định cụ thể về đối tượng được gia hạn tại Điều 3 và thời gian gia hạn tại Điều 4. Theo đó, người nộp thuế trực tiếp sẽ tiến hành thủ tục gia hạn theo trình tự đã được hướng dẫn trong quyết định này: (i) Người nộp thuế trực tiếp kê khai, nộp thuế với cơ quan thuế gửi Giấy đề nghị gia hạn nộp thuế theo mẫu ban hành kèm theo Nghị định; (ii) Người nộp thuế tự xác định và chịu trách nhiệm về việc đề nghị gia hạn đảm bảo đúng đối tượng được gia hạn theo Nghị định; (iii) Cơ quan thuế không phải thông báo cho người nộp thuế về việc chấp nhận gia hạn; (iv) Không tính tiền chậm nộp đối với số tiền thuế được gia hạn trong khoản thời gian được gia hạn thời hạn nộp.

Nghị định có hiệu lực từ ngày ký ban hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023.



2.2. Thông tư 19/2023/TT-BTC ngày 03 tháng 4 năm 2023 do Bộ Tài Chính ban hành bãi bỏ Thông tư 150/2010/TT-BTC hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các cơ quan báo chí do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành

Theo Thông tư này, toàn bộ Thông tư số 150/210/TT-BTC ngày 27 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các cơ quan báo chí sẽ được bãi bỏ.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 5 năm 2023.

2.3. Công điện 01/CD-BTC ngày 12 tháng 04 năm 2023 do Bộ Tài chính ban hành về tăng cường công tác quản lý, giám sát việc phát hành, sử dụng hóa đơn điện tử do Bộ trưởng Bộ Tài chính điện

Thực hiện Luật quản lý thuế hiện hành, Tổng cục Thuế đã triển khai hệ thống hóa đơn điện tử phục vụ các đối tượng nộp thuế trên phạm vi toàn quốc từ ngày 01/7/2022. Theo đó, các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân kinh doanh thực hiện chuyển đổi đồng bộ sang sử dụng hóa đơn điện tử thay cho hóa đơn giấy truyền thống. Việc triển khai hệ thống hóa đơn điện tử giúp tiết kiệm chi phí phát hành, lưu giữ hóa đơn; thuận tiện trong khâu đối chiếu, rà soát, kiểm tra việc kê khai thuế, hoàn thuế...góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế.

Để loại trừ các hiện tượng doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân cố tình lợi dụng việc phát hành, sử dụng hoá đơn điện tử để xuất khống, trục lợi, Bộ Trưởng Bộ Tài chính yêu cầu Tổng cục Thuế chỉ đạo Cục thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức, tăng cường công tác thanh tra, giám sát việc phát hành để kịp thời phát hiện sai phạm, rà soát tổng thể và tăng cường công tác, phối hợp với cơ quan Công an, Các Bộ ngành liên quan để nghiêm minh các vi phạm pháp luật trong phát hành, quản lý và sử dụng hoá đơn điện tử.

2.4. Công văn 19297/CTHN-TTHT ngày 06 tháng 4 năm 2023 do Cục Thuế thành phố Hà Nội ban hành về thuế thu nhập cá nhân đối với lệ phí thi chứng chỉ

Trong trường hợp Công ty có phát sinh khoản chi phí đào tạo nhân viên nhằm nâng cao trình độ, năng lực công việc của người lao động được ghi rõ trong quy chế lao động của Công ty và có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp thì không tính vào thu nhập chịu thuế TNCN của người lao động theo quy định tại tiết đ.6 điểm d khoản 2 Điều 2 Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính “*Đối với khoản chi trả hộ tiền đào tạo nâng cao trình độ, tay nghề cho người lao động phù hợp với công việc chuyên môn, nghiệp*



vụ của người lao động hoặc theo kế hoạch của đơn vị sử dụng lao động thì không tính vào thu nhập của người lao động”

2.5. Công văn 19293/CTHN-TTHT ngày 06 tháng 4 năm 2023 do Cục Thuế thành phố Hà Nội ban hành về hướng dẫn chính sách thuế đối với quà tặng

Khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, người bán phải lập hóa đơn để giao cho người mua bao gồm cả các trường hợp hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng,... theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

Trường hợp Công ty thực hiện tặng quà cho nhân viên mà quà tặng không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 10 Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính thì khoản thu nhập từ nhận quà tặng không chịu thuế TNCN. Thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ được khấu trừ nếu đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 10 Thông tư số 26/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Trường hợp Công ty chi các khoản lợi ích bằng tiền hoặc không bằng tiền ngoài tiền lương, các khoản lợi ích khác cho người lao động như: chi trong các ngày nghỉ, lễ,... thì khoản chi này tính vào thu nhập chịu thuế TNCN từ tiền lương, tiền công cho cá nhân người lao động theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 Thông tư 111/2013/TT-BTC. Đối với các khoản chi thực tế của công ty phát sinh cho người lao động (nếu được quy định trong quy chế của Công ty hoặc được quy định cụ thể trong hợp đồng lao động, phù hợp với quy định của Bộ Luật lao động và các văn bản hướng dẫn thi hành) được tính vào khoản chi có tính chất phúc lợi khác không quá 01 tháng lương bình quân thực tế thực hiện trong năm tính thuế của doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 4 Điều 3 Thông tư số 25/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính, nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính thì được hạch toán vào các khoản chi được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

2.6. Công văn 20479/CT-TTHT ngày 10 tháng 4 năm 2023 do Cục Thuế thành phố Hà Nội ban hành về tính thuế thu nhập cá nhân đối với hoạt động cho thuê lại lao động

Trường hợp người lao động có phát sinh khoản thu nhập từ khen thưởng khi lập thành tích xuất sắc thì các khoản lợi ích bằng tiền hoặc không bằng tiền ngoài tiền lương, tiền công do người sử dụng lao động trả mà người nộp thuế được hưởng dưới mọi hình thức thuộc khoản thu nhập chịu thuế TNCN theo hướng dẫn tại Khoản 2 Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính. Tổ chức chi trả thu nhập thực hiện khấu trừ thuế trước khi trả thu nhập cho người lao động và kê khai thuế với Cơ quan Thuế theo quy định.



III. Lĩnh vực kế toán, kiểm toán

3.1. Công văn 17831/CTHN-TTHT ngày 04 tháng 04 năm 2023 do Cục Thuế thành phố Hà Nội ban hành về hóa đơn điện tử theo Nghị định 123/2020/NĐ-CP

Theo hướng dẫn tại Công văn này, trong trường hợp công ty bán hàng hóa, công ty phải lập hóa đơn để giao cho người mua và thực hiện ghi nội dung của hóa đơn theo quy định tại Điều 4 và Điều 10 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

Trường hợp công ty lập hóa đơn xuất khẩu tại chỗ theo quy định của pháp luật thì công ty thực hiện ghi rõ tên người mua phía nước ngoài, tên doanh nghiệp nhận hàng và địa điểm giao hàng tại Việt Nam theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 17 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính.

Trường hợp công ty phát hiện hóa đơn đã lập có sai sót, cần lập hóa đơn điều chỉnh, thay thế thì Công ty thực hiện xử lý hóa đơn có sai sót theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ và Khoản 6 Điều 12 Thông tư số 78/2021/TT-BTC ngày 17/9/2021 của Bộ Tài chính.

3.2. Công văn 18553/CTHN-TTHT ngày 05 tháng 4 năm 2023 do Cục Thuế thành phố Hà Nội ban hành hướng dẫn về hóa đơn khi nhận tiền tài trợ

Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức nhận tiền tài trợ thuộc quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 219/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính thì thuộc trường hợp không phải kê khai tính nộp thuế, doanh nghiệp, tổ chức lập chứng từ thu tiền theo quy định (không phải lập hóa đơn).

Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức nhận tiền tài trợ của tổ chức, cá nhân khác để thực hiện dịch vụ cho tổ chức, cá nhân như sửa chữa, bảo hành, khuyến mại, quảng cáo thì phải lập hóa đơn để giao cho người mua theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP và phải ghi đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP, trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử thì phải theo định dạng chuẩn dữ liệu của cơ quan thuế theo quy định tại Điều 12 Nghị định 123/2020/NĐ-CP, đồng thời phải kê khai, nộp thuế theo quy định.

IV. Lĩnh vực thương mại

4.1. Nghị định số 18/2023/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 28 tháng 4 năm 2023 sửa đổi Nghị định số 40/2018/NĐ-CP về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp



Nghị định này đã sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp. Theo đó, đã sửa đổi, bổ sung tổng cộng 42 điều khoản: trong đó có 28 điều khoản được sửa đổi, 11 điều khoản được thêm mới, 2 điều khoản sửa đổi cụm từ và 1 điều khoản bổ sung mẫu văn bản, cụ thể như sau:

- Sửa đổi tại các điều khoản của Nghị định 40/2018/NĐ-CP sau: khoản 2 Điều 3; điểm c khoản 1 Điều 7; khoản 3 Điều 9; khoản 7 Điều 9; điểm a khoản 1 Điều 10; điểm b khoản 3 Điều 12; điểm c khoản 4 Điều 14; Điểm c khoản 1 Điều 16; Điều 18; khoản 2 Điều 20; khoản 1 Điều 21; khoản 3 Điều 21; điểm a khoản 2 Điều 24; khoản 2 Điều 26; Điều 27; khoản 1 Điều 28; điểm b khoản 2 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 3 Điều 37; Điều 38; Điều 39; Điều 43; điểm d khoản 2 Điều 44; khoản 4 Điều 49; khoản 1 Điều 50; Điều 53; khoản 4 Điều 55; điểm g khoản 1 Điều 56;
- Bổ sung tại các điều khoản của Nghị định 40/2018/NĐ-CP sau: khoản 8 Điều 3; điểm h khoản 1 Điều 7; khoản 10 Điều 9; khoản 11 Điều 9; điểm đ khoản 1 Điều 23; khoản 3 Điều 24; khoản 3a Điều 36; khoản 13 Điều 40; khoản 14 Điều 40; khoản 5 Điều 41; Điều 49a.
- Sửa đổi cụm từ “*gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện*” tại điểm a khoản 3 Điều 12, khoản 1 Điều 13, khoản 2 Điều 21, khoản 2 Điều 22, khoản 1 và khoản 2 Điều 25, khoản 1 Điều 52 và điểm a khoản 4 Điều 52 thành “*nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính*”; sửa đổi cụm từ “*bưu điện*” tại điểm a khoản 5 Điều 10 thành cụm từ “*dịch vụ bưu chính*”.
- Sửa đổi cụm từ “*Người đại diện của doanh nghiệp bán hàng đa cấp*” tại điểm b khoản 1 Điều 22 thành cụm từ “*đầu mối của doanh nghiệp*”; sửa đổi cụm từ “*người đại diện tại địa phương*” tại Mẫu số 7, Mẫu số 8, Mẫu số 11, Mẫu số 15 và Mẫu số 16 thành cụm từ “*đầu mối tại địa phương*”.
- Bổ sung Mẫu số 06a, Mẫu số 13a, Mẫu số 14a, Mẫu số 19, Mẫu số 20a, Mẫu số 20b, Mẫu số 21a và Mẫu số 21b kèm theo Nghị định này.

Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày 20/6/2023.

4.2. Công văn 1684/TCHQ-TXNK ngày 12 tháng 4 năm 2023 do Tổng cục Hải quan ban hành về hướng dẫn thủ tục hàng hóa nhập khẩu để bán cho doanh nghiệp chế xuất

Trường hợp Công ty (là doanh nghiệp nội địa) nhập khẩu hàng hóa từ nước ngoài sau đó xuất bán cho doanh nghiệp chế xuất thì hàng hóa nhập khẩu đó phải kê khai nộp thuế nhập



khẩu, thuế giá trị gia tăng theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13, Điều 3 Luật thuế Giá trị gia tăng số 13/2008/QH12. Tờ khai nhập khẩu sử dụng mã loại hình A11.

Sau khi hàng hóa đã xuất khẩu vào doanh nghiệp chế xuất hoặc khu phi thuế quan và chỉ để sử dụng trong doanh nghiệp chế xuất, khu phi thuế quan thì Công ty được hoàn thuế nhập khẩu đã nộp. Cơ sở để hoàn thuế nhập khẩu đã nộp là hàng hóa xuất khẩu chưa qua sử dụng, gia công, chế biến và việc tái xuất hàng hóa phải được thực hiện bởi người nhập khẩu ban đầu hoặc người được người nhập khẩu ban đầu ủy quyền, ủy thác xuất khẩu. Tờ khai xuất khẩu sử dụng mã loại hình B13.

Hồ sơ, thủ tục hoàn thuế thực hiện theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021.

V. Lĩnh vực tiền tệ - ngân hàng:

5.1. Quyết định 11/2023/QĐ-TTg quy định mức giao dịch có giá trị lớn phải báo cáo do Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 27 tháng 4 năm 2023

Từ ngày 01/12/2023, tổ chức tài chính, tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề phi tài chính có liên quan theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 4 Luật Phòng chống rửa tiền, có giao dịch với giá trị từ 400 triệu đồng trở lên thì phải báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Theo quy định Luật Phòng chống rửa tiền, các đối tượng cần phải báo cáo như sau:

- (i) Đối tượng báo cáo là tổ chức tài chính được cấp giấy phép thực hiện một hoặc một số hoạt động sau đây:
- Nhận tiền gửi;
 - Cho vay;
 - Cho thuê tài chính;
 - Dịch vụ thanh toán;
 - Dịch vụ trung gian thanh toán;
 - Phát hành công cụ chuyển nhượng, thẻ ngân hàng, lệnh chuyển tiền;
 - Bảo lãnh ngân hàng, cam kết tài chính;
 - Cung ứng dịch vụ ngoại hối, các công cụ tiền tệ trên thị trường tiền tệ;



- Môi giới chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán;
 - Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;
 - Kinh doanh bảo hiểm nhân thọ;
 - Đổi tiền
- (ii) Đối tượng báo cáo là tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành, nghề phi tài chính có liên quan theo quy định của pháp luật thực hiện một hoặc một số hoạt động sau đây:
- Kinh doanh trò chơi có thưởng, bao gồm: trò chơi điện tử có thưởng; trò chơi trên mạng viễn thông, mạng Internet; casino; xổ số; đặt cược;
 - Kinh doanh bất động sản, trừ hoạt động cho thuê, cho thuê lại bất động sản và dịch vụ tư vấn bất động sản;
 - Kinh doanh kim khí quý, đá quý;
 - Kinh doanh dịch vụ kế toán; cung cấp dịch vụ công chứng; cung cấp dịch vụ pháp lý của luật sư, tổ chức hành nghề luật sư;
 - Cung cấp dịch vụ thành lập, quản lý, điều hành doanh nghiệp; cung cấp dịch vụ giám đốc, thư ký công ty cho bên thứ ba; cung cấp dịch vụ thỏa thuận pháp lý.

Quyết định này thay thế Quyết định số 20/2013/QĐ-TTg ngày 18 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định mức giá trị của giao dịch có giá trị lớn phải báo cáo.